

SAO Y



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH- THƯƠNG MẠI
NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Ngày 24 tháng 04 năm 2018

SAO Y



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH- THƯƠNG MẠI
NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Ngày 24 tháng 04 năm 2018

SAO Y



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI
NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THƯƠNG MẠI NÔNG NGHIỆP VN

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 08 năm 2020

**TRƯỞNG PHÒNG
HÀNH CHÍNH - NHÂN SỰ**



Trịnh Đạt Thăng

Ngày 24 tháng 04 năm 2018

CHƯƠNG V: NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 35 : Chế độ, Quyền lợi của người lao động

CHƯƠNG VI: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, TRẢ CỔ TỨC

Điều 36 : Hệ thống kế toán, Báo cáo tài chính, Năm tài chính và Tài khoản ngân hàng của Công ty

Điều 37 : Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và xử lý kinh doanh thua lỗ

Điều 38 : Trả cổ tức

CHƯƠNG VII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 39: Giải quyết tranh chấp nội bộ

Điều 40 : Chấm dứt hoạt động

Điều 41 : Thanh lý Công ty

CHƯƠNG VIII: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 42 : Sửa đổi, bổ sung điều lệ

Điều 43 : Ngày hiệu lực

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII ban hành ngày 26/11/2014, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015;
- Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần;
- Quyết định số 1606/HĐQT-TKDB ngày 12/11/2010 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam về việc: Phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch Thương mại NHNo&PTNT Việt Nam thành Công ty Cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 02/2018/QĐ/AGT- ĐHCĐ ngày 24/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 Công ty cổ phần Du lịch Thương mại Nông nghiệp Việt Nam về việc: sửa đổi, bổ sung nội dung một số Điều của Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Du lịch Thương mại Nông nghiệp Việt Nam thông qua ngày 14/04/2011, sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012 Công ty thông qua ngày 16/12/2012, sửa đổi lần thứ hai được Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 thông qua ngày 30/7/2016;

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nông nghiệp Việt Nam. Điều lệ này và các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ và phù hợp với pháp luật sẽ là những quy tắc, quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này thay thế điều lệ đã ban hành được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Du lịch Thương mại Nông nghiệp Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 07 năm 2016 tại Thành phố Vũng Tàu.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nông nghiệp Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2018 tại Thành phố Vũng Tàu.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. "**Công ty**" là Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nông nghiệp Việt Nam.
2. "**Cổ đông**" là thể nhân và pháp nhân đang sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
3. "**Cổ đông sáng lập**" là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua, ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty và sở hữu số lượng cổ phần tối thiểu theo quy định của Điều lệ này.
4. "**Sổ đăng ký cổ đông**" là văn bản hoặc tập dữ liệu điện tử hoặc cả 2 loại này để ghi chép và lưu giữ các thông tin liên quan đến cổ đông và các lần chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông trong Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp.
5. "**Đại diện được ủy quyền**" là thể nhân được cổ đông của Công ty ủy quyền bằng văn

bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty.

6. "*Vốn điều lệ*" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

7. "*Cổ phần*" là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

8. "*Cổ phiếu*" là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở một hoặc một số cổ phần của Công ty.

9. "*Cổ tức*" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

10. "*Người quản lý Công ty*" bao gồm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty.

11. "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII ban hành ngày 26/11/2014.

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1 Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM.**

Tên tiếng Anh: **VIETNAM AGRICULTURE TOURISM TRADING JOINT STOCK COMPANY.**

Tên viết tắt: **AGRITOUR.**

Điện thoại: (064) 3853 174-3853 175 Fax: (064) 3853 177-3525 970

Email : info@agritour.vn

Website: www.agritour.vn

2.2 Công ty cổ phần Du lịch Thương mại Nông nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp độc lập, có tư cách pháp nhân và con dấu riêng, được tổ chức và hoạt động theo điều lệ Công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp Việt Nam, được đăng ký kinh doanh theo luật định.

2.3 Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 57-59 đường Thùy Vân, Phường 2, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.4 *Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.*

2.5 Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty theo luật định.

2.6 Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 40 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là không giới hạn, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

Điều 3: Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu của Công ty

3.1. *Ngành nghề kinh doanh:*

a *Về Du lịch:*

- Khách sạn, Nhà hàng: *A*

- + Kinh doanh Khách sạn, Nhà hàng;
- + Kinh doanh dịch vụ xoa bóp, karaoke, vũ trường;

- *Du lịch Lữ hành :*

- + Kinh doanh du lịch lữ hành trong nước;
- + Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế;
- + Kinh doanh vận chuyển khách bằng các phương tiện vận tải thủy, bộ và các phương tiện vận chuyển khác;

b. Kinh doanh các dịch vụ về du lịch, tổ chức sự kiện, quảng cáo và văn hóa.

c. Về Thương mại xuất, nhập khẩu:

- Kinh doanh xuất, nhập khẩu các mặt hàng nông sản, hải sản và thực phẩm chế biến;
- Kinh doanh các mặt hàng vật tư, phân bón, giấy in các loại, trang trí nội thất phục vụ du lịch và nông nghiệp;
- Kinh doanh đại lý hàng tiêu dùng và rượu bia, đồ uống.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, máy móc, xe ô tô, sắt thép, xi măng, vật liệu xây dựng phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng;
- Đại lý các mặt hàng phục vụ du lịch và phục vụ sản xuất nông nghiệp; Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy và các phương tiện vận tải khác;

d. Về Đầu tư:

- Đầu tư xây dựng khách sạn quốc tế;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản và hạ tầng cơ sở phát triển kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch, cảng, bến bãi, kho hàng hóa;
- Dịch vụ cho các hoạt động sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng;
- Công ty được quyền liên doanh liên kết, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, thành lập pháp nhân mới theo đúng quy định của pháp luật;
- Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các ngành nghề kinh doanh của Công ty, nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững;
- Công ty được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm đạt được các mục tiêu của Công ty.

Điều 4: Con dấu

- 4.1 Hội đồng quản trị sẽ thông qua nội dung con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
- 4.2 Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5: Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị, chính trị xã hội khác

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa

Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, Điều lệ của tổ chức đó và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 6: **Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu**

- 6.1 Vốn điều lệ của Công ty có thể được góp bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, hoặc bằng tài sản khác và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Đồng Việt Nam. Trong trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất hoặc tài sản khác thì giá trị tài sản góp vốn phải được định giá theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 6.2 Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 230 tỷ đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng), được chia thành 23.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.
- 6.3 Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.4 Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 6.5 Sau khi mua cổ phần và được ghi tên trong "Sổ đăng ký cổ đông" của Công ty, cổ đông sẽ được cấp miễn phí cổ phiếu dưới hình thức "Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần", số lượng cổ phần mua hay bán của cổ đông sẽ được bộ phận quản lý "Sổ đăng ký cổ đông" ghi tăng, giảm trên "Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần" của cổ đông đó.
- 6.6 "Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần" phải có các nội dung chủ yếu như sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần;
 - e. Họ, tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của cổ đông là thể nhân; hoặc tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là pháp nhân;
 - f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
 - h. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
- 6.7 Trong trường hợp cổ phiếu bị mất, rách, hư hỏng, nhòe, mờ ... hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông có quyền đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới theo quy định của pháp luật và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có

cam kết về các nội dung sau:

- a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;
- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7: Phát hành cổ phần, trái phiếu

- 7.1 Công ty có quyền phát hành thêm các loại cổ phần và các quyền kèm theo để huy động vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh. Phương án phát hành thêm các loại cổ phần phải được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 7.2 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần (trong trường hợp không phải công ty đại chúng). Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm gần nhất, trừ các trường hợp sau:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho các đối tác chiến lược của Công ty. Tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - e. Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 7.3 Cổ phần phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ nắm giữ hiện tại của từng cổ đông. Việc chào bán cổ phần phát hành thêm cho các cổ đông hiện hữu được thực hiện theo quy định sau:
 - a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của cổ đông.
 - b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của cổ đông là thể nhân; hoặc tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là pháp nhân; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Công ty phát hành.
 - c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
 - d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng

quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm Giao dịch Chứng khoán hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán.

e. Trường hợp các cổ phần đã được đăng ký mua nhưng không thực hiện việc thanh toán tiền mua cổ phần đúng thời hạn quy định thì số cổ phần đó sẽ được xử lý như sau:

- Hội đồng quản trị xem xét gia hạn thời hạn nộp tiền mua cổ phần nếu có lý do hợp lý; hoặc

- Xử lý như trường hợp không đăng ký mua.

7.4 Cổ phần được coi là đã bán khi đã thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần cho Công ty. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

7.5 Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

Điều 8: Mua lại cổ phần

8.1 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định/về các vấn đề quy định tại khoản này.

b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, với giá thị trường hoặc giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm gần nhất. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng hoặc cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác nhưng không được thấp hơn giá chào mua của Công ty.

8.2 Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, theo quy định sau:

a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm ra quyết định mua lại, trừ trường hợp Công ty mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. *M*

c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình theo đúng thủ tục quy định bằng phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trong đó xác định rõ số lượng cổ phiếu chào bán. Công ty chỉ có trách nhiệm mua lại các cổ phần được chào bán theo đúng các thủ tục và thời hạn quy định.

8.3 Công ty chỉ được quyền thanh toán tiền mua lại cổ phần của các cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định này thì các cổ đông đã được thanh toán phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

8.4 Cổ phần do Công ty mua lại sẽ được giữ làm cổ phiếu quỹ và có thể được chào bán cho cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 9 : Chuyển nhượng cổ phần

9.1 Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ những trường hợp được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này. Việc chuyển nhượng cổ phần phải tuân thủ đúng quy định của Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành và Điều lệ này.

9.2 Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty. Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

9.3 Các cổ đông chiến lược mua cổ phần với giá đầu thành công bình quân chỉ được chuyển nhượng số cổ phần này sau ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn ba năm thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

9.4 Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không được chuyển nhượng số cổ phần sở hữu trong thời gian đương nhiệm, trừ các trường hợp đặc biệt được đa số các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận và được ưu tiên chuyển nhượng cho

các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- 9.5 Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Thị trường Chứng khoán thì việc chuyển nhượng cổ phiếu phải tuân theo các quy định của pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.

Điều 10: Thừa kế cổ phần

- 10.1 Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- 10.2 Trường hợp cổ đông thế nhân qua đời, Công ty sẽ tạm thời phong tỏa số cổ phần của cổ đông đó cho đến khi người thừa kế hoặc những người đồng thừa kế của cổ đông xuất trình cho Công ty các giấy tờ pháp lý chứng minh quyền thừa kế hợp pháp của mình. Người có quyền thừa kế sẽ được đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế và trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi cũng như thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan của cổ đông mà họ thừa kế.
- 10.3 Trường hợp cổ đông là pháp nhân, khi có sự thay đổi do việc chia tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi, ... thì cổ đông đó phải gửi thông báo bằng văn bản cho Công ty về việc thay đổi của mình, kèm theo các văn bản pháp lý có đủ cơ sở để xác định pháp nhân thừa kế hợp pháp để Hội đồng quản trị có cơ sở làm thủ tục thay đổi cổ đông.
- 10.4 Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và những Người quản lý khác cũng được thừa kế theo qui định hiện hành, nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phần không đương nhiên được thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức danh quản trị, điều hành tương ứng của người đã mất.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 11: Cổ đông sáng lập

Cổ đông sáng lập của Công ty là các cổ đông có đủ các điều kiện sau:

- Tham gia thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thành lập;
- Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.

Điều 12: Quyền của cổ đông

- 12.1 Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- Tham dự và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại các phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết ngang nhau.
- Được nhận cổ tức hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần sở hữu theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông đang nắm giữ khi Công ty phát hành thêm cổ phần. ✓

- d. Được tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến chính mình trong sổ đăng ký cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
 - f. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo quy định của pháp luật.
 - g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình quy định tại khoản 1 Điều 8 Điều lệ này.
 - h. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 12.2 Ngoài các quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên, có các quyền sau:
- a. Ứng cử hoặc đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - b. Xem và trích lục sổ biên bản, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các báo cáo tài chính giữa năm, hàng năm của Công ty và các báo cáo của Ban kiểm soát.
 - c. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.
- Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ đăng ký, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cổ đông là thể nhân; hoặc tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là pháp nhân; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị và mức độ vi phạm hoặc quyết định vượt quá thẩm quyền.
- d. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc giải trình những vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ đăng ký, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cổ đông là thể nhân; hoặc tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là pháp nhân; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần được giải trình. Trường hợp Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không giải trình được hoặc giải trình chưa thoả đáng thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông này có quyền yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề nêu trên.
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13 : Nghĩa vụ của cổ đông

- 13.1 Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thời gian và thủ tục quy định; đồng thời chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài

sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

13.2 Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

13.4 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14: Ủy quyền

14.1 Cổ đông là thể nhân có thể ủy quyền cho một người khác thay mặt mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình tại Công ty. Cổ đông là pháp nhân có quyền cử một hoặc một số người đại diện được ủy quyền để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Công ty. Trường hợp có nhiều hơn một người được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền của mỗi người. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông và không được ủy quyền lại cho người khác.

14.2 Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện được ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ đăng ký, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cổ đông là thể nhân; hoặc tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là pháp nhân;
- b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện được ủy quyền;
- d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- e. Thời hạn đại diện được ủy quyền;
- f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện được ủy quyền và cổ đông là thể nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân.

14.3 Đại diện được ủy quyền có thể bị thu hồi quyền bởi văn bản chấm dứt ủy quyền do cổ đông ủy quyền ký, đóng dấu (nếu có). Các nội dung ủy quyền đã được người nhận ủy quyền thực hiện thì vẫn có giá trị và không được thay đổi.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 15: Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát Công ty

Cơ cấu tổ chức quản trị, điều hành và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;

- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Các đơn vị, bộ phận chức năng: phòng, ban, chi nhánh, văn phòng đại diện,...

Điều 16: Đại hội đồng cổ đông

16.1 Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

16.2 Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần chào bán của từng loại khi Công ty phát hành thêm cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định việc ký kết các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 29 Điều lệ này.
- f. Quyết định sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ này;
- g. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- h. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- i. Thông qua phương án chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị trình;
- j. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- k. Quyết định việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập cho cá nhân hoặc tổ chức không phải là cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;
- l. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- m. Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể Công ty;
- n. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

17.1 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

17.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;

- c. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của công ty;
- e. Mức cổ tức;
- f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

17.3 Đại hội đồng cổ đông bất thường được Hội đồng quản trị triệu tập trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn 2/3 số thành viên theo quy định.
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

17.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu họp lệ hoặc có cơ sở nêu tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này.

17.5 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 Điều này, thì Ban Kiểm soát có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 ngày tiếp theo.

17.6 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 5 Điều này, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

17.7 Tất cả chi phí tổ chức Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty chi trả. Những chi phí này không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và chi tiêu của cổ đông khi tham dự Đại hội.

Điều 18: Thông báo triệu tập, chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông

18.1 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu Đại hội và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội; xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội và gửi thông báo triệu tập Đại hội đến các cổ đông được quyền tham dự Đại hội chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai mạc Đại hội. Thông báo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của cổ đông tại Công ty.

18.2 Thông báo triệu tập Đại hội phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ đăng ký của cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội. Kèm theo thông báo triệu tập Đại hội phải có mẫu giấy ủy quyền tham dự Đại hội, chương trình Đại hội, các tài liệu có liên quan trong chương trình Đại hội.

18.3 Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty tại thời điểm có quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông và phải được lập xong chậm nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai mạc Đại hội. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

18.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai mạc Đại hội. Đề xuất phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ, những nội dung đề xuất đưa vào chương trình Đại hội.

18.5 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất quy định tại khoản 4 Điều này nếu:

- a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Đề xuất không đủ nội dung, thông tin cần thiết;
- d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

19.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

19.2 Trường hợp Đại hội được triệu tập lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Đại hội sẽ được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

19.3 Trường hợp Đại hội được triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì Đại hội sẽ được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được tiến hành mà không phụ thuộc vào tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

19.4 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình Đại hội đã được gửi kèm theo thông báo triệu tập Đại hội theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

20.1 Vào ngày khai mạc Đại hội, các cổ đông phải tiến hành thủ tục đăng ký tham dự cho đến khi đảm bảo đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định tại Điều 19 Điều lệ này.

20.2 Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay thế Chủ tịch làm chủ tọa Đại hội. Trường hợp Phó Chủ tịch cũng vắng mặt thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Đại hội; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao

- nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa Đại hội trong số những người tham dự Đại hội và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa Đại hội;
- b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa Đại hội và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa Đại hội;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc hai người làm thư ký lập biên bản Đại hội;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 03 người theo đề nghị của chủ tọa Đại hội.
- 20.3 Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
- 20.4 Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết, không trái với quy định của pháp luật để điều khiển Đại hội một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự Đại hội.
- 20.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.
- 20.6 Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi Đại hội đã khai mạc vẫn được đăng ký tham dự Đại hội và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không phải dừng Đại hội để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.
- 20.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- a. Yêu cầu tất cả cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự Đại hội; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của Đại hội hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội;
- 20.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký tham dự Đại hội theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
- a. Địa điểm tổ chức Đại hội không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả mọi người có đủ điều kiện tham dự;
 - b. Có người có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho Đại hội không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày Đại hội dự kiến khai mạc.
- 20.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người tham dự Đại hội để thay thế chủ tọa điều hành Đại hội cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại Đại hội đó không bị ảnh hưởng. *M*

Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- Việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể Công ty;

 Đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

21.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

21.5 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Các cổ đông không gửi ý kiến phúc đáp xem như chấp thuận theo phương án tán thành dự thảo quyết định cần lấy ý kiến.

22.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào (trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ này) nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

22.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Trang 17

cổ đông là thẻ nhân; hoặc tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là pháp nhân; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

22.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là thẻ nhân, của người đại diện được ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ, các phiếu không hợp lệ này đều được xem như phiếu trắng.

22.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty (trong trường hợp Ban kiểm soát vắng mặt). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và của người giám sát kiểm phiếu.
- g. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

22.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu và quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo cho các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

22.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

22.8 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23: Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

23.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- b. Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung Đại hội;
 - d. Chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến Đại hội và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội;
 - h. Các quyết định đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp.
- 23.2 Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Chủ tọa và thư ký Đại hội phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản Đại hội.
- 23.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua.
- 23.4 Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua, cổ đông hoặc Người quản lý Công ty, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
- a. Trình tự và thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông không được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
- 23.5 Biên bản Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24: Hội đồng quản trị

- 24.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 24.2 Hội đồng quản trị có từ 03 đến 05 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương pháp bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 24.3 Tiêu chuẩn và điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:
- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

- b. Là cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên; hoặc người khác có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và được cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên đề cử.

Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên. Người được đề cử không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Điều kiện về thời gian sở hữu không áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thành lập.

24.4 Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh điều hành, quản lý Công ty.

24.5 Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần chào bán của từng loại khi Công ty phát hành thêm cổ phần;
- c. Quyết định triển khai thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d. Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- e. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều 8 Điều lệ này;
- g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán hàng hóa, vay và hợp đồng khác, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 29 Điều lệ này;
- i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc cử người đại diện được ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- k. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, những người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
- l. Giải trình, báo cáo Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này khi được yêu cầu theo đúng quy định tại Điều lệ này. ✓

- m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua hoặc bán cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - o. Trình báo cáo tài chính năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - q. Kiến nghị việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - r. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 24.6 Hội đồng quản trị có thể thông qua quyết định bằng cách biểu quyết tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết ngang nhau.
- 24.7 Các thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị theo Quy chế tài chính của Công ty.
- 24.8 Hội đồng quản trị có quyền phân cấp, ủy quyền các quyền của mình cho Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc để điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.
- 24.9 Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 25: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 25.1 Các thành viên Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và một người giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- 25.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, có các quyền và nhiệm vụ sau:
- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 6

Điều 24 Điều lệ này;

- e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- f. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;
- g. Thay mặt Hội đồng quản trị trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông.
- h. Sử dụng con dấu công ty khi thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm của mình được quy định theo pháp luật và Điều lệ này.
- i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, theo ủy quyền và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

25.3 Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ theo sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

25.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ tạm thời thay thế để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Phó Chủ tịch cũng vắng mặt và Chủ tịch Hội đồng quản trị không có văn bản ủy quyền cho thành viên nào khác thay thế thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quá bán.

25.5 Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ tạm thời thay thế Chủ tịch để điều hành công việc. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, các thành viên Hội đồng quản trị phải bầu một người trong số họ để thay thế.

25.6 Việc thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày chính thức có sự thay đổi.

Điều 26: Hợp Hội đồng quản trị

26.1 *Hợp thường kỳ:* Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý một lần hoặc bất kỳ khi nào cần thiết, do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập.

26.2 *Hợp bất thường:* Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của một trong các đối tượng sau:

- a. Ban kiểm soát.
- b. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Tổng Giám đốc.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

26.3 *Địa điểm họp:* Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác, do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.

26.4 *Thông báo và chương trình họp:* Các thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi thông báo mời họp Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải bao gồm nội dung chương trình họp; thời gian và địa điểm họp; những tài liệu liên quan đến những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại

- m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua hoặc bán cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - o. Trình báo cáo tài chính năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - q. Kiến nghị việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - r. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 24.6 Hội đồng quản trị có thể thông qua quyết định bằng cách biểu quyết tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết ngang nhau.
- 24.7 Các thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị theo Quy chế tài chính của Công ty.
- 24.8 Hội đồng quản trị có quyền phân cấp, ủy quyền các quyền của mình cho Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc để điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.
- 24.9 Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 25: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 25.1 Các thành viên Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và một người giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- 25.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, có các quyền và nhiệm vụ sau:
- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 6

Điều 24 Điều lệ này;

- e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- f. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;
- g. Thay mặt Hội đồng quản trị trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông.
- h. Sử dụng con dấu công ty khi thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm của mình được quy định theo pháp luật và Điều lệ này.
- i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, theo ủy quyền và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

25.3 Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ theo sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

25.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ tạm thời thay thế để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Phó Chủ tịch cũng vắng mặt và Chủ tịch Hội đồng quản trị không có văn bản ủy quyền cho thành viên nào khác thay thế thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quá bán.

25.5 Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ tạm thời thay thế Chủ tịch để điều hành công việc. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, các thành viên Hội đồng quản trị phải bầu một người trong số họ để thay thế.

25.6 Việc thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày chính thức có sự thay đổi.

Điều 26: Hợp Hội đồng quản trị

26.1 *Họp thường kỳ:* Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý một lần hoặc bất kỳ khi nào cần thiết, do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập.

26.2 *Họp bất thường:* Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của một trong các đối tượng sau:

- a. Ban kiểm soát.
- b. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Tổng Giám đốc.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

26.3 *Địa điểm họp:* Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác, do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.

26.4 *Thông báo và chương trình họp:* Các thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi thông báo mời họp Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải bao gồm nội dung chương trình họp; thời gian và địa điểm họp; những tài liệu liên quan đến những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại

cuộc họp; và phiếu biểu quyết của các thành viên. Thông báo mời họp phải đảm bảo chuyển đến được địa chỉ đăng ký của từng thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có quyền mời những người quản lý khác hoặc các chuyên gia tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị tùy theo tính chất và nội dung cuộc họp.

26.5 Số lượng thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất chỉ có thể được tiến hành khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất không thực hiện được, do không đủ thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (*quá bán*) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

26.6 Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng biểu quyết theo nguyên tắc quá bán trên tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của các thành viên Hội đồng quản trị. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

26.7 Biểu quyết vắng mặt: Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

26.8 Biên bản họp Hội đồng quản trị: Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt, có đầy đủ các nội dung sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các quyết định đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện được ủy quyền dự họp.

26.9 Biên bản và các tài liệu sử dụng trong các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 27: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

27.1 Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định //

tại điểm a khoản 3 Điều 24 Điều lệ này;

- b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn xin từ chức được chấp thuận;
- d. Bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

27.2 Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết quá 1/3 thành viên theo quy định thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

27.3 Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông gần nhất sẽ bầu thành viên mới để bổ sung thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết.

Điều 28: Tổng Giám đốc Công ty

28.1 Tổng Giám đốc có thể do một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác đảm nhiệm. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bổ nhiệm và ký hợp đồng lao động quy định rõ mức lương, quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc. Thời hạn hợp đồng phải tương thích với nhiệm kỳ đã được bổ nhiệm và không được quá 05 năm. Khi hết nhiệm kỳ, Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc, thì phải có trách nhiệm xem xét và ký kết lại hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.

28.2 Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

28.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc Công ty:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- b. Là cá nhân sở hữu từ 10% vốn Điều lệ này trở lên hoặc không phải là cổ đông nhưng có trình độ năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh du lịch, tài chính kinh tế khác, hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
- c. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

28.4 Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty trong phạm vi được phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị;
- b. Chậm nhất vào cuối tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc công ty phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các nhu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;
- c. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- e. Xây dựng phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty trình Hội đồng quản trị thông qua;
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản trị, điều hành khác trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty phù hợp với Quy chế hình thành, quản lý và sử dụng quỹ lương của Công ty;
 - h. Tuyển dụng lao động;
 - i. Đề xuất phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
- 28.5 Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
- 28.6 Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Tổng Giám đốc có trách nhiệm giải trình, báo cáo thường xuyên hoặc đột xuất cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này khi có yêu cầu theo đúng quy định tại Điều lệ này.
- 28.7 Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

Điều 29: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

- 29.1 Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
- a. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
 - c. Doanh nghiệp mà người quản lý Công ty có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; hoặc những người có liên quan của họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn Điều lệ.
- 29.2 Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung giao dịch. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 29.3 Đại hội đồng cổ đông quyết định các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy

định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

29.4 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 30: Ban kiểm soát

30.1 Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương pháp bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

30.2 Trong số các thành viên Ban kiểm soát, phải có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát.

30.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

- a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty.

30.4 Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

30.5 Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

- a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. ✓

Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- e. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- f. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của Người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- g. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

30.6 Ban kiểm soát có quyền trưng dụng nhân sự của Công ty một cách hợp lý hoặc sử dụng tư vấn độc lập để đảm bảo công việc kiểm tra, giám sát được kịp thời, chính xác.

Điều 31: Những vấn đề khác liên quan đến Ban kiểm soát

31.1 Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
- d. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

31.2 Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng thành viên Ban kiểm soát khuyết quá 1/3 số thành viên theo quy định hoặc khuyết thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung. Các trường hợp khác thì Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung trong kỳ Đại hội gần nhất.

31.3 Trường Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 17 Điều lệ này; kiến nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- c. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo của các thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát phụ trách theo yêu cầu công việc của Công ty.
- 31.4 Ban kiểm soát phải họp định kỳ tối thiểu 02 lần mỗi năm và có thể họp bất thường bất cứ khi nào cần thiết, số lượng thành viên tham dự tối thiểu trong mỗi cuộc họp phải đạt 2/3 số thành viên theo quy định. Thông báo mời họp, nội dung chương trình, thời gian, địa điểm họp, và các tài liệu có liên quan phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát chậm nhất 05 ngày trước ngày họp.
- 31.5 Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua tại cuộc họp theo nguyên tắc quá bán. Mỗi thành viên Ban kiểm soát có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về Trưởng Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể biểu quyết vắng mặt hoặc ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát còn lại chấp thuận.
- 31.6 Nội dung các cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi vào sổ biên bản, có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp, và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 31.7 Thành viên Ban kiểm soát sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ này;
 - b. Có đơn xin từ chức được chấp thuận;
 - c. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 31.8 Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát từ chức hoặc bị bãi nhiệm thì trong vòng 15 ngày các thành viên còn lại của Ban kiểm soát phải bầu một người trong số họ để thay thế. Việc thay đổi Trưởng Ban kiểm soát phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày chính thức có sự thay đổi.
- 31.9 Các thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy chế tài chính của Công ty.
- 31.10 Trường hợp thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 32: Nghĩa vụ của người quản lý và kiểm soát Công ty

Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty, trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình và những người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Điều 33: Trách nhiệm và bồi thường trách nhiệm

33.1 Trách nhiệm: thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của Công ty phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất khi gây thiệt hại cho Công ty.

33.2 Bồi thường trách nhiệm: Công ty sẽ bồi thường cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, những Người quản lý, nhân viên hoặc đại diện của Công ty trong trường hợp họ đã, đang và có thể bị khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố dân sự hoặc hành chính khi thực thi nhiệm vụ của Công ty hay các đơn vị thành viên của Công ty với điều kiện là họ đã hành động trung thực, có trách nhiệm, vì lợi ích của Công ty, tuân thủ luật pháp và không có người nào khác xác nhận họ đã có vi phạm. Chi phí bồi thường sẽ bao gồm: chi phí thuê luật sư, chi phí xét xử, tiền phạt và các khoản chi phí hợp lý phát sinh khác. Công ty có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, những Người quản lý,... để tránh phải chi trả các khoản bồi thường phát sinh.

Điều 34: Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tùy thuộc kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ được nhận thù lao và các lợi ích khác theo mức do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 35: Chế độ, Quyền lợi của người lao động

35.1 Việc tuyển dụng lao động, trả lương thực hiện theo hợp đồng lao động được ký kết giữa Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) với người lao động phải

đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và Điều lệ này.

35.2 Tổng Giám đốc xây dựng qui chế về việc tuyển dụng, thuê mướn, cho thôi việc, trả lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật và nội qui đối với người lao động của Công ty và trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

35.3 Người lao động phải chấp hành đầy đủ các nội qui lao động, kỷ luật của Công ty, quy định của pháp luật, Điều lệ này và các qui chế của Công ty.

CHƯƠNG VI

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, TRẢ CỔ TỨC

Điều 36: Hệ thống kế toán, Báo cáo tài chính, Năm tài chính và Tài khoản ngân hàng của Công ty

36.1 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS). Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.

36.2 Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và trình Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát xem xét.

36.3 Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo của Công ty, bao gồm:

- a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ hoạt động kinh doanh, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức ...

36.4 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

36.5 Công ty được mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc các ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 37: Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và xử lý kinh doanh thua lỗ

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cho từng năm theo đúng quy định của pháp luật. Lợi nhuận theo quyết toán hàng năm của Công ty sau khi hoàn thành các nghĩa vụ về thuế theo qui định của pháp luật hiện hành và giảm trừ các khoản lỗ của các năm trước sẽ được phân phối như sau:

- Trích các quỹ bao gồm: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi. 

- Chia cổ tức cho các cổ đông.

Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án giải quyết và các biện pháp khắc phục.

Điều 38: Trả cổ tức

- 38.1 Mức cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- 38.2 Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty, sau khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và đã được trích lập các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 38.3 Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- 38.4 Cổ tức sẽ được chi trả theo tổng số cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.
- 38.5 Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- 38.6 Cổ tức được chi trả bằng Đồng Việt Nam và có thể chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ đông chưa đến nhận cổ tức, Công ty sẽ không trả lãi hoặc các chi phí phát sinh liên quan đến các khoản cổ tức chưa nhận.
- 38.7 Cổ tức có thể được chi trả toàn bộ hoặc từng phần bằng tài sản khác của Công ty. Việc chi trả cổ tức bằng tài sản khác phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- 38.8 Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần của chính Công ty nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải lập phương án chi trả cổ tức bằng cổ phần và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 38.9 Hội đồng quản trị quyết định ngày xác định danh sách cổ đông để chi trả cổ tức. Ngày xác định danh sách cổ đông để chi trả cổ tức sẽ được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để các cổ đông biết. Chỉ những cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày xác định danh sách cổ đông mới có quyền nhận cổ tức.

CHƯƠNG VII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 39: Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 39.1 Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác, giữa:
- a. Một hoặc nhiều cổ đông với Công ty, hoặc
 - b. Một hoặc nhiều cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty thì các bên liên quan sẽ trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà

giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

39.2 Nếu vấn đề tranh chấp không hòa giải được trong vòng 45 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, thì vấn đề tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

39.3 Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp được đưa ra tòa xét xử, Tòa án sẽ phán quyết bên nào phải chịu chi phí xét xử và các chi phí liên quan.

Điều 40: Chấm dứt hoạt động

40.1 Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

40.2 Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 41: Thanh lý Công ty

41.1 Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc thuê chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

41.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

41.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Chi phí thanh lý Công ty;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động trong Công ty;
- c. Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông.

CHƯƠNG VIII SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 42: Sửa đổi, bổ sung điều lệ

- 42.1 Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
- 42.2 Trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc những quy định của pháp luật mới ban hành khác với những quy định trong điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 43: Ngày hiệu lực

- 43.1 Điều lệ này bao gồm 08 chương và 43 điều, đã được Đại hội đồng cổ đông BẤT thường năm 2018 Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nông nghiệp Việt Nam nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2018 và có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông của Công ty.
- 43.2 Điều lệ được lập thành 10 bản chính và có giá trị như nhau.
- 43.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Văn Mười

